

**CÔNG TY CỔ PHẦN TRANG TRÍ
NỘI THẤT DẦU KHÍ**

Báo cáo tài chính

cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

đã được soát xét



CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

A member of  International. A world-wide network of independent accounting firms and business advisers
Thành viên HLB Quốc tế. Mạng lưới quốc tế các hãng kiểm toán và tư vấn quản trị chuyên nghiệp



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo Kiểm toán	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 - 24
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh Báo cáo tài chính	09 - 24
<i>Phụ lục 1: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu</i>	24

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Thành Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035284, đăng ký lần đầu ngày 26/02/2009; đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 19/04/2012, cấp lại mã số doanh nghiệp theo số 0103467702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 5, tòa nhà Bảo Anh, 62 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 50.000.000.000 VND (Năm mươi tỷ đồng chẵn).

Vốn thực góp đến thời điểm 30/06/2012 là 40.000.000.000 VNĐ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Trọng Nghĩa	Chủ tịch HĐQT
Ông Bùi Vĩnh Long	Ủy viên HĐQT
Ông Phan Quốc Vinh	Ủy viên HĐQT
Ông Trịnh Đại	Ủy viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Ủy viên HĐQT

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Trần Trọng Nghĩa	Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Triều Dương	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát

Ông Lê Công Huân	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Hoài	Ủy viên
Ông Đặng Trường Sơn	Ủy viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012



Trần Trọng Nghĩa



Số ~~1017~~/2012/BC.SXTC-AASC.KT1

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

*Về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012
của Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí*

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí được lập ngày 10 tháng 08 năm 2012 gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 06 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2012 được trình bày từ trang 05 đến trang 25 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí tại thời điểm 30 tháng 06 năm 2012 cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 06 năm 2012 phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán (AASC)**



Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số: 0285/KTV

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2012

Lê Văn Tùng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số: 1479/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		53.508.442.414	55.614.933.900
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	11.655.341.267	13.795.592.960
111 1. Tiền		4.814.761.922	4.673.144.125
112 2. Các khoản tương đương tiền		6.840.579.345	9.122.448.835
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	2.301.000.000	800.000.000
121 1. Đầu tư ngắn hạn		2.301.000.000	800.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		28.958.349.917	17.042.785.142
131 1. Phải thu khách hàng		18.169.180.997	8.829.217.221
132 2. Trả trước cho người bán		7.679.283.832	8.213.567.921
135 5. Các khoản phải thu khác	5	3.109.885.088	-
140 IV. Hàng tồn kho	6	6.513.932.581	13.621.873.649
141 1. Hàng tồn kho		6.513.932.581	13.621.873.649
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		4.079.818.649	10.354.682.149
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	149.978.806	75.611.993
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		68.766.467	16.342.116
158 5. Tài sản ngắn hạn khác	8	3.861.073.376	10.262.728.040
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.942.920.559	4.978.812.064
220* II. Tài sản cố định		1.987.982.013	2.083.890.242
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.718.370.614	1.806.597.909
222 - Nguyên giá		2.305.736.572	2.437.948.431
223 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(587.365.958)	(631.350.522)
227 3. Tài sản cố định vô hình	10	269.611.399	277.292.333
228 - Nguyên giá		369.021.000	321.021.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(99.409.601)	(43.728.667)
250 IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		-	1.500.000.000
258 3. Đầu tư dài hạn khác		-	1.500.000.000
260 V. Tài sản dài hạn khác		1.954.938.546	1.394.921.822
261 1. Chi phí trả trước dài hạn	11	1.092.523.403	1.394.921.822
268 3. Tài sản dài hạn khác	12	862.415.143	-
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		57.451.362.973	60.593.745.964

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2012

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2012	01/01/2012
		VND	VND
300 A. NỢ PHẢI TRẢ		16.597.286.236	18.112.681.895
310 I. Nợ ngắn hạn		16.371.286.236	17.886.681.895
311 1. Vay và nợ ngắn hạn	13	135.000.000	270.000.000
312 2. Phải trả người bán		7.127.364.601	7.847.368.204
313 3. Người mua trả tiền trước		2.711.400.000	8.164.194.500
314 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	1.814.446.482	563.420.679
315 5. Phải trả người lao động		726.373.478	741.547.579
316 6. Chi phí phải trả	15	1.845.878.925	5.456.000
319 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	16	1.530.272.299	246.511.482
323 11. Quỹ khen thưởng phúc lợi		480.550.451	48.183.451
330 II. Nợ dài hạn		226.000.000	226.000.000
334 4. Vay và nợ dài hạn	17	226.000.000	226.000.000
400 B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		40.854.076.737	42.481.064.069
410 I. Vốn chủ sở hữu		40.854.076.737	42.481.064.069
411 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18	40.000.000.000	40.000.000.000
417 7. Quỹ đầu tư phát triển		292.887.340	52.683.451
418 8. Quỹ dự phòng tài chính		266.545.615	26.341.726
420 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		294.643.782	2.402.038.892
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		57.451.362.973	60.593.745.964

Người lập biểu

Nguyễn Minh Thoa

Kế toán trưởng

Nhan Thu Huyền

Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012



Trần Trọng Nghĩa

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	26.757.183.178	19.069.318.343
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20	60.406.073	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	26.696.777.105	19.069.318.343
11	4. Giá vốn hàng bán	22	20.525.122.463	12.179.451.646
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		6.171.654.642	6.889.866.697
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23	534.843.428	565.733.684
22	7. Chi phí tài chính	24	39.662.256	89.273.369
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		37.893.056	80.823.369
24	8. Chi phí bán hàng	25	2.540.546.733	1.782.632.601
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	3.675.196.247	4.077.400.406
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		451.092.834	1.506.294.005
31	11. Thu nhập khác		433	435
32	12. Chi phí khác		157.533.377	29.800.182
40	13. Lợi nhuận khác		(157.532.944)	(29.799.747)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		293.559.890	1.476.494.258
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	88.180.222	324.513.423
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		205.379.668	1.151.980.835
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	59 VND/cp	331 VND/cp

Người lập biểu



Nguyễn Minh Thoa

Kế toán trưởng



Nhan Thu Huyền



Trần Trọng Nghĩa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

Theo phương pháp trực tiếp

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01 1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		14.330.021.662	19.181.010.828
02 2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(16.652.675.529)	(18.314.615.812)
03 3. Tiền chi trả cho người lao động		(2.421.221.201)	(1.763.636.513)
04 4. Tiền chi trả lãi vay		(39.262.153)	(96.339.758)
05 5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp		(161.270.861)	-
06 6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		3.741.019.243	1.810.045.567
07 7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.104.932.646)	(2.561.381.907)
20 <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>		(2.308.321.485)	(1.744.917.595)
II. LƯU CHUYỂN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(231.773.636)	-
25 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(500.000.000)
26 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	1.000.000.000
27 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		534.843.428	565.733.684
30 <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>		303.069.792	1.065.733.684
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	12.500.000.000
34 4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(135.000.000)	(691.250.000)
40 <i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>		(135.000.000)	11.808.750.000
50 <i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>		(2.140.251.693)	11.129.566.089
60 Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		13.795.592.960	9.252.211.780
70 Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		11.655.341.267	20.381.777.869

Người lập biểu

Kế toán trưởng





Nguyễn Minh Thoa

Nhan Thu Huyền



Trần Trọng Nghĩa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2012 đến 30/06/2012

1 . THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí tiền thân là Công ty Cổ phần Phát triển Thành Đông được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103035284, đăng ký lần đầu ngày 26/02/2009; đăng ký thay đổi lần thứ bảy ngày 19/04/2012, cấp lại mã số doanh nghiệp theo số 0103467702 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Tầng 5, tòa nhà Bảo Anh, 62 Trần Thái Tông, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

Vốn điều lệ của công ty là 50.000.000.000 VND.

Vốn thực góp đến thời điểm 30/06/2012 là 40.000.000.000 VNĐ.

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Chi nhánh		
Hung Yên	Khu công nghiệp Tân Quang, xã Tân Quang, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	Sản xuất đồ nội thất

Chi nhánh Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí được thành lập theo Quyết định số 29/QĐ-TTNTDK của Hội đồng Quản trị ngày 20 tháng 03 năm 2012

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ bảy ngày 19 tháng 04 năm 2012, hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng, trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: bán lẻ sơn, màu, véc ni, kính xây dựng, gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình:
 - + Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh
 - + Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan;
 - + Thiết kế kiến trúc công trình
 - + Thiết kế kiến trúc công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp
 - + Thiết kế quy hoạch xây dựng
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
 - + Bán buôn máy móc thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi)
- Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép;
 - + Bán buôn thảm, đệm, chăn, màn, rèm, ga trải giường, gối và hàng dệt khác
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế;
- Sản xuất sản phẩm từ plastic;
- Sản xuất thảm, chăn đệm;
- Sản xuất đồ gỗ xây dựng;

- Sản xuất sản phẩm chịu lửa;
 - Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác;
 - Sản xuất sợi nhân tạo;
 - Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự, sản xuất mực in và ma tít;
 - Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét;
 - Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác;
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao;
 - Sản xuất bê tông và các sản phẩm xi măng và thạch cao;
 - Cát tạo dáng và hoàn thiện đá;
 - Sản xuất sắt, thép, gang;
 - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
 - Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại;
 - Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu;
 - Sản xuất sản phẩm từ da lông thú;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - + Vận tải hàng hóa bằng ô tô chuyên dụng
 - + Vận tải hàng hóa bằng phương tiện đường bộ khác
 - Vận tải hành khách đường bộ khác;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác dầu thô và dầu khí tự nhiên;
 - Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Chi tiết: Bán buôn hóa chất (Trừ loại sử dụng trong nông nghiệp)
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
 - Lắp đặt hệ thống điện;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng công trình khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực theo quy định của pháp luật).

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành.
Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đơn vị trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài Chính về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

2.6 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.7 . Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phương tiện vận tải	06 năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 07 năm
- Phần mềm quản lý	03 năm

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn;

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

2.9 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính. Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.11 . Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi đã có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.13 . Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14 . Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15 . Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

05-C
TY
HỮU H
Ư VÀ
TOÁN V
ÁN
P. HA

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	3.854.342.509	3.685.235.164
Tiền gửi ngân hàng	960.419.413	987.908.961
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	6.840.579.345	9.122.448.835
	11.655.341.267	13.795.592.960

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	2.300.000.000	800.000.000
Tiền duy trì tài khoản tại Công ty Chứng khoán Dầu khí	1.000.000	
	2.301.000.000	800.000.000

	30/06/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn				
<i>Công ty cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí</i>	80.000	800.000.000	80.000	800.000.000
<i>Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC Hà Nội) (*)</i>	150.000	1.500.000.000	-	-
	230.000	2.300.000.000	80.000	800.000.000

(*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh chứng khoán chưa niêm yết số 333/2010/HĐHTKD-SHS/NV giữa Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SHS) và Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí (PVC-ID) thì vốn góp của mỗi bên trong liên doanh khi đầu tư vào PVC Hà Nội là 1.500.000.000 VND tương đương với 150.000 cổ phần. PVC-ID đứng tên làm đại diện phần vốn góp và tổng số vốn góp chiếm 1% vốn điều lệ của PVC Hà Nội.

5 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế đầu vào do chưa có hóa đơn	609.885.088	-
Công ty Cổ phần Vĩnh Trinh	2.500.000.000	-
	3.109.885.088	-

6 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	140.568.550	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*)	4.027.597.620	11.216.793.831
Hàng hóa	2.345.766.411	2.405.079.818
	6.513.932.581	13.621.873.649

(*) Chi tiết số dư cuối kỳ của các dự án như sau:		30/06/2012	01/01/2012	
		VND	VND	
Dự án khách sạn Lam Kinh 01		-	2.750.971.203	
Dự án PVC Nghệ An		-	4.588.379.350	
Dự án PVEP		30.240.600	1.987.320.936	
Công trình PV Tex - Hải Phòng		2.681.507.835	1.745.442.277	
Dự án Nhà máy Nhiệt điện Vũng áng		1.188.012.763	16.705.545	
Các dự án khác		127.836.422	127.974.520	
		4.027.597.620	11.216.793.831	
7 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN				
		30/06/2012	01/01/2012	
		VND	VND	
Chi phí dịch vụ thiết kế Website		-	20.878.784	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		61.916.106	54.733.209	
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ		88.062.700	-	
		149.978.806	75.611.993	
8 . TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC				
		30/06/2012	01/01/2012	
		VND	VND	
Tạm ứng		3.836.652.119	9.360.752.518	
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		24.421.257	901.975.522	
		3.861.073.376	10.262.728.040	
9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH				
Khoản mục	Máy móc thiết bị	Phương tiện VT, truyền dẫn	Thiết bị, DC quản lý	Cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	214.452.311	1.897.643.637	325.852.483	2.437.948.431
Số tăng trong kỳ	105.909.091	556.895.414	58.100.000	720.904.505
- Mua trong kỳ	105.909.091	-	58.100.000	164.009.091
- Điều chuyển nội bộ	-	556.895.414	-	556.895.414
Số giảm trong kỳ	-	(853.116.364)	-	(853.116.364)
- Giảm do điều chuyển nội bộ	-	(853.116.364)	-	(853.116.364)
Số dư cuối kỳ	320.361.402	3.307.655.415	383.952.483	2.305.736.572
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	120.570.749	461.356.689	49.423.084	631.350.522
Số tăng trong kỳ	38.553.371	158.136.970	55.546.045	252.236.386
- Khấu hao trong kỳ	38.553.371	158.136.970	55.546.045	252.236.386
Số giảm trong kỳ	-	(296.220.950)	-	(296.220.950)
- Giảm do điều chuyển nội bộ	-	(296.220.950)	-	(296.220.950)
Số cuối kỳ	159.124.120	915.714.609	104.969.129	587.365.958
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu kỳ	93.881.562	1.436.286.948	276.429.399	1.806.597.909
Tại ngày cuối kỳ	161.237.282	2.391.940.806	278.983.354	1.718.370.614
Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố vay vốn				733.103.402

10 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Khoản mục	Phần mềm	Cộng
	máy vi tính	
	VND	VND
Nguyên giá TSCĐ		
Số dư đầu kỳ	321.021.000	321.021.000
Số tăng trong kỳ		
- Mua trong kỳ	48.000.000	48.000.000
Số giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>369.021.000</u>	<u>369.021.000</u>
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu kỳ	43.728.667	43.728.667
Số tăng trong kỳ	55.680.934	55.680.934
- Khấu hao trong kỳ	55.680.934	55.680.934
Giảm trong kỳ	-	-
Số dư cuối kỳ	<u>99.409.601</u>	<u>99.409.601</u>
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu kỳ	277.292.333	277.292.333
Tại ngày cuối kỳ	<u>269.611.399</u>	<u>269.611.399</u>

11 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.394.921.822	1.889.652.704
Số tăng trong kỳ	541.009.379	990.560.585
Số đã kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ	(843.407.798)	(1.485.291.467)
	<u>1.092.523.403</u>	<u>1.394.921.822</u>

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	574.616.383	845.315.924
Chi phí bảo hiểm xe ô tô	23.293.551	34.052.260
Chi phí sửa chữa văn phòng	423.230.915	342.914.191
Chi phí trả trước dài hạn khác	71.382.554	172.639.447
	<u>1.092.523.403</u>	<u>1.394.921.822</u>

12 . TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	862.415.143	-
	<u>862.415.143</u>	<u>-</u>

13 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả (chi tiết xem Thuyết minh số 17)	135.000.000	270.000.000
	<u>135.000.000</u>	<u>270.000.000</u>

14 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.329.944.310	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	480.799.852	553.890.491
Thuế thu nhập cá nhân	3.702.320	9.530.188
	1.814.446.482	563.420.679

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	4.086.903	5.456.000
Trích trước chi phí các dự án đã ghi nhận doanh thu theo nghiệm thu Khối lượng hoàn thành	1.841.792.022	-
	1.845.878.925	5.456.000

16 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	32.009.994	66.031.954
Bảo hiểm xã hội	75.795.972	138.070.610
Bảo hiểm y tế	16.017.528	29.873.133
Bảo hiểm thất nghiệp	6.448.805	12.535.785
Cổ tức phải trả	1.400.000.000	-
	1.530.272.299	246.511.482

17 . VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	226.000.000	226.000.000
Vay ngân hàng	226.000.000	226.000.000
	226.000.000	226.000.000

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn:

Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp đồng tín dụng số 174.10.008.720002.TD ngày 23/09/2010 với số tiền 811.000.000 VND, thời hạn vay là 03 năm; Lãi suất Quý I/2012 là 18%; lãi suất Quý II/2012 là 17%; Lãi suất sẽ được điều chỉnh theo kỳ 03 tháng/ lần. Gốc được hoàn trả 36 kỳ, mỗi kỳ 22.500.000 VND. Khoản vay được bảo đảm bằng Ô tô 05 chỗ Toyota Camry 2.4 G với tổng giá trị 1.015.000.000 VND. Số dư nợ gốc tại 30/06/2012 là 361.000.000 VND, trong đó số dư phải trả kỳ tới là 135.000.000 VND.

18 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu - Kèm theo phụ lục 1

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2012	Tỷ lệ	01/01/2012	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Tổng Công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	20.000.000.000	50,00	20.000.000.000	50,00
Vốn góp của các cổ đông khác	20.000.000.000	50,00	20.000.000.000	50,00
	40.000.000.000	100,00	40.000.000.000	100,00

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	40.000.000.000	40.000.000.000
- Vốn góp cuối năm	40.000.000.000	40.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	1.400.000.000	-
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 69a/NQ - TTNTDK-HĐQT ngày 22 tháng 06 năm 2012, Công ty công bố việc chi trả cổ tức năm 2011 là 3,5% Vốn điều lệ.

d) Cổ phiếu

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	5.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.000.000	4.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	4.000.000	4.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND / cổ phiếu		

e) Các quỹ của Công ty

	30/06/2012	01/01/2012
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	292.887.340	52.683.451
Quỹ dự phòng tài chính	266.545.615	26.341.726
	559.432.955	79.025.177

Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

Quỹ dự phòng tài chính được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc dự phòng các tổn thất, rủi ro về tài chính trong quá trình hoạt động của Công ty.

	6 tháng đầu năm 2012	6 tháng đầu năm 2011
19 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.757.183.178	19.069.318.343
	26.757.183.178	19.069.318.343
20 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU		
	VND	VND
Giảm giá hàng bán	60.406.073	-
	60.406.073	-
21 . DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ		
	VND	VND
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	26.696.777.105	19.069.318.343
	26.696.777.105	19.069.318.343
22 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN		
	VND	VND
Giá vốn của hàng bán và dịch vụ	20.525.122.463	12.179.451.646
	20.525.122.463	12.179.451.646
23 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH		
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	534.843.428	565.733.684
	534.843.428	565.733.684
24 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH		
	VND	VND
Chi phí lãi vay ngân hàng TMCP Quân đội	37.893.056	80.823.369
Chi phí tài chính khác	1.769.200	8.450.000
	39.662.256	89.273.369

25 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí nhân viên	643.757.860	253.036.750
Chi phí thuê, sửa chữa gian hàng	1.386.942.390	1.289.432.548
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	31.821.351	16.158.546
Chi phí bảo hành	16.000.000	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	347.622.587	204.165.578
Chi phí bằng tiền khác	114.402.545	19.839.179
	2.540.546.733	1.782.632.601

26 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.301.082.245	1.708.470.184
Chi phí thuê, sửa chữa văn phòng	932.872.276	1.171.343.650
Chi phí đồ dùng văn phòng	687.330.539	476.193.833
Chi phí khấu hao tài sản cố định	302.777.859	242.642.480
Thuế, phí, lệ phí	16.211.972	13.202.856
Chi phí dịch vụ mua ngoài	272.264.352	342.283.287
Chi phí khác bằng tiền	162.657.004	123.264.116
	3.675.196.247	4.077.400.406

27 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

27.1 Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	293.559.890	1.476.494.258
Các khoản điều chỉnh tăng	210.327.091	-
- Chi phí không hợp lệ để xác định thuế TNDN	210.327.091	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	503.886.981	1.476.494.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp 25%	125.971.745	324.513.425
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo Nghị Quyết số 29/2012/QH13 của Quốc Hội ngày 21/06/2012	37.791.524	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	88.180.222	324.513.425

28 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2012 VND	6 tháng đầu năm 2011 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	205.379.668	1.151.980.835
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	205.379.668	1.151.980.835
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	3.480.014	3.480.014
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	59	331

29 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị ghi sổ kế toán			
	30/06/2012		01/01/2012	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền, các khoản tương đương tiền	11.655.341.267	-	13.795.592.960	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	21.279.066.085	-	8.829.217.221	-
Các khoản cho vay	2.500.000.000	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	2.301.000.000	-	800.000.000	-
Đầu tư dài hạn	-	-	1.500.000.000	-
Cộng	37.735.407.352	-	24.924.810.181	-

	Giá trị ghi sổ kế toán	
	30/06/2012 VND	01/01/2012 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	361.000.000	496.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.657.636.900	8.093.879.686
Chi phí phải trả	1.845.878.925	5.456.000
Cộng	10.864.515.825	8.595.335.686

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá và lãi suất.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở	Trên 1 năm đến 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2012	VND	VND	VND
Vay và nợ	135.000.000	226.000.000	361.000.000
Phải trả người bán, phải trả khác	8.657.636.900	-	8.657.636.900
Chi phí phải trả	1.845.878.925		1.845.878.925
Cộng	10.638.515.825	226.000.000	10.864.515.825

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

30 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ 01 tháng 01 năm 2012 đến 30 tháng 06 năm 2012 đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

31 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
		VND	VND
Tạm ứng			
- Ông Nguyễn Quốc Tuấn	Phó Giám đốc Công ty	620.000.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Triều	Phó Giám đốc Công ty	434.586.000	-
- Ông Nguyễn Từ Long	Trưởng phòng Dự án Công ty	430.000.000	-
- Ông Nguyễn Chí Hào	Nhân viên của Công ty	430.000.000	-

- Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị

Từ 01/01/2012
đến 30/06/2012

VND
344.894.709

32 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu báo cáo tài chính đã được Công ty Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) kiểm toán.

Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả kinh doanh, báo cáo Lưu chuyển tiền tệ là số liệu báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2011 của Công ty chưa được kiểm toán.

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Minh Thoa

Nhan Thu Huyền



Hà Nội, ngày 10 tháng 08 năm 2012
Giám đốc

Trần Trọng Nghĩa

Phụ lục 1 : Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

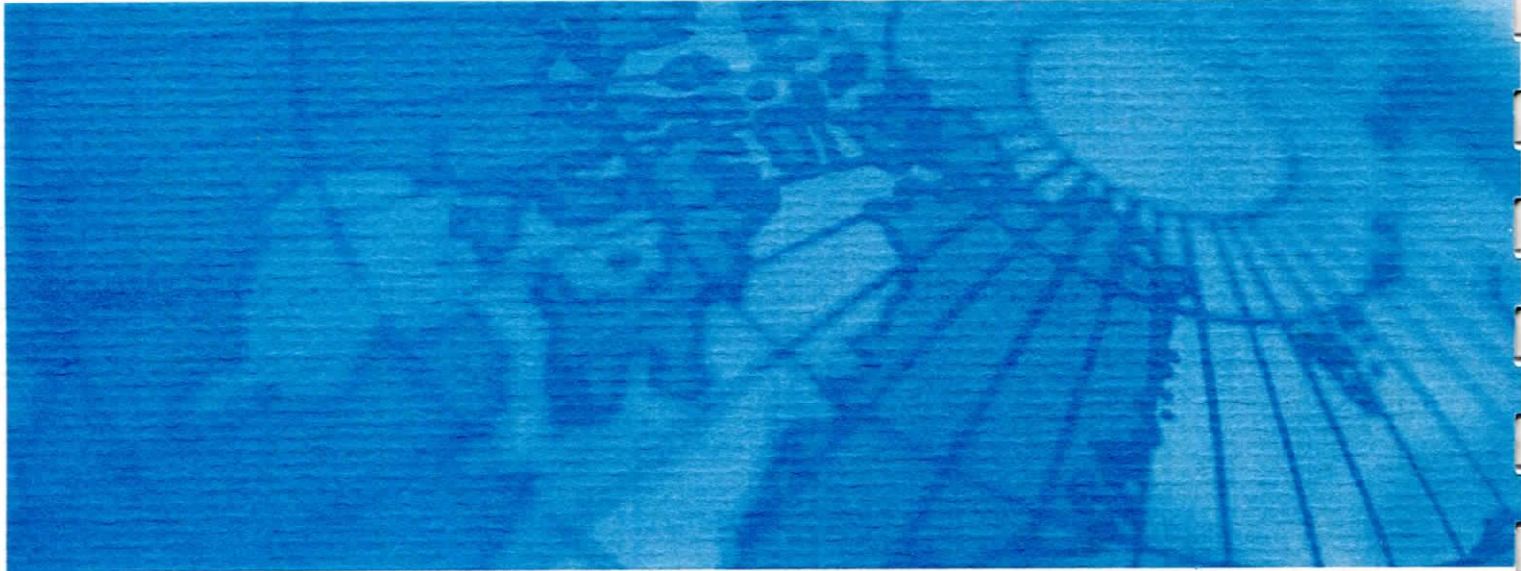
	Vốn đầu tư của CSH VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	LN ST chưa phân phối VND	Cộng VND
Số dư cuối năm trước	40.000.000.000	52.683.451	26.341.726	2.402.038.892	42.481.064.069
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	205.379.668	205.379.668
- Phân phối lợi nhuận (i)	-	240.203.889	240.203.889	(2.312.774.778)	(1.832.367.000)
Số dư cuối kỳ này	40.000.000.000	292.887.340	266.545.615	294.643.782	40.854.076.737

Ghi chú: (i)

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên số 69a/NQ - TTNTDK-HĐQT ngày 22 tháng 06 năm 2012, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2011 như sau:

Chi tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
Kết quả kinh doanh sau thuế		2.312.774.778
Chi trả cổ tức cho các cổ đông	3,5%	1.400.000.000
Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	240.203.889
Trích Quỹ Dự phòng tài chính	10%	240.203.889
Trích Quỹ khen thưởng	8%	192.163.111
Trích Quỹ phúc lợi, an sinh xã hội	10%	240.203.889





CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ TƯ VẤN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN VÀ KIỂM TOÁN
AUDITING AND ACCOUNTING FINANCIAL CONSULTANCY SERVICE COMPANY LTD. (AASC)

TRỤ SỞ CHÍNH:

Số 01 Lê Phụng Hiểu,
Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel.: +84-4-3824-1990/1
Fax: +84-4-3825-3973
E-mail: aaschn@hn.vnn.vn
Website: www.aasc.com.vn

CHI NHÁNH TẠI TP.HỒ CHÍ MINH:

Số 17 Đường Sông Thương, Phường 2,
Quận Tân Bình, TP. HCM
Tel.: +84-8-3848-5983 | +84-8-3848-5776
Fax: +84-8-3547-1838

VPĐD TẠI QUẢNG NINH:

Số 8 Đường Chu Văn An
TP. Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh
Tel.: +84-33-362-7571
Fax: +84-33-362-7572
E-mail: aascqn@aasc.com.vn